

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A/= TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>237 004 371 431</b>	<b>243 291 181 312</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>12 389 676 298</b>	<b>32 758 656 697</b>
1. Tiền	111	V.01	12 389 676 298	18 758 656 697
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	14 000 000 000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>52 917 703 297</b>	<b>55 840 930 019</b>
1. Phải thu khách hàng	131		38 893 171 325	51 896 282 622
2. Trả trước cho người bán	132		12 597 058 018	2 163 216 001
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	2 888 059 014	3 825 970 677
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1 460 585 060)	(2 044 539 281)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>162 909 117 127</b>	<b>148 150 722 531</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	162 909 117 127	148 150 722 531
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8 787 874 709</b>	<b>6 540 872 065</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1 680 724 605	1 309 953 892
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5 714 163 636	3 946 927 092
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	4 465 499	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1 388 520 969	1 283 991 081
<b>B/= TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>65 843 698 097</b>	<b>66 722 972 678</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>61 544 158 887</b>	<b>61 495 013 701</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	48 388 481 999	48 845 903 937
- Nguyên giá	222		76 369 824 393	72 734 686 151
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27 981 342 394)	(23 888 782 214)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	12 135 508 288	11 960 208 160
- Nguyên giá	228		12 344 516 280	12 075 416 280
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(209 007 992)	(115 208 120)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1 020 168 600	688 901 604
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Lợi thế thương mại</b>			<b>3 246 469 927</b>	<b>3 765 836 969</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1 053 069 283</b>	<b>1 462 122 008</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	330 494 622	14 578 167
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	110 324 661	110 324 661
3. Tài sản dài hạn khác	268		612 250 000	1 337 219 180
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>302 848 069 528</b>	<b>310 014 153 990</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: [haxaco@hcm.vnn.vn](mailto:haxaco@hcm.vnn.vn)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2011**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A/= NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)</b>	<b>300</b>		<b>191 044 596 207</b>	<b>188 330 024 604</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>187 767 777 232</b>	<b>185 263 518 854</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	64 290 213 333	58 563 645 976
2. Phải trả người bán	312		105 399 256 065	105 334 035 526
3. Người mua trả tiền trước	313		14 314 831 452	14 473 116 381
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1 663 144 432	4 404 726 575
5. Phải trả người lao động	315		797 059 504	950 616 281
6. Chi phí phải trả	316	V.17	555 233 928	368 567 614
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	686 379 796	818 080 211
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		61 658 722	350 730 290
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3 276 818 975</b>	<b>3 066 505 750</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	2 868 740 000	2 582 800 000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		408 078 975	483 705 750
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B/= VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>107 483 127 595</b>	<b>116 469 749 188</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>107 483 127 595</b>	<b>116 469 749 188</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		111 161 690 000	80 558 460 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		635 620 600	14 330 550 600
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1 327 217 916	8 338 011 052
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3 407 123 860	3 264 052 880
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(9 048 524 781)	9 978 674 656
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C/= LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>4 320 345 726</b>	<b>5 214 380 198</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>302 848 069 528</b>	<b>310 014 153 990</b>



Người lập biểu

*(Signature)*

**PHẠM HỒNG NGỌC**

Kế toán trưởng

*(Signature)*

**NGUYỄN THỊ HỒNG KHANH**

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2012

Tổng Giám Đốc

*(Signature)*

**NGUYỄN VĂN ĐỨC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: [haxaco@hcm.vnn.vn](mailto:haxaco@hcm.vnn.vn)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2011**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Quý 4 Năm 2011**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	273 498 401 037	333 845 136 806	1 013 612 567 651	1 099 346 548 118
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11 827 041 857	7 441 820 490	64 100 153 124	37 429 761 609
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		261 671 359 180	326 403 316 316	949 512 414 527	1 061 916 786 509
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	258 090 858 527	304 909 962 419	908 408 622 944	982 542 676 747
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3 580 500 653	21 493 353 897	41 103 791 583	79 374 109 762
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	41 884 670	281 620 466	2 407 646 322	2 032 943 047
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	2 092 668 885	5 180 984 740	15 580 543 325	15 743 702 402
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1 622 589 857	3 630 925 161	10 075 161 825	9 452 052 865
8. Chi phí bán hàng	24		10 562 698 979	15 261 164 742	43 118 716 543	52 150 058 641
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3 362 395 172	2 967 635 590	11 219 210 121	12 423 132 327
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)(24+25)]	30		(12 395 377 713)	-1 634 810 709	(26 407 032 084)	1 090 159 439
11. Thu nhập khác	31		15 731 732 893	4 819 736 320	35 128 339 082	23 928 003 212
12. Chi phí khác	32		6 405 383 012	946 555 243	17 206 723 316	8 464 100 081
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		9 326 349 881	3 873 181 077	17 921 615 766	15 463 903 131
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(3 069 027 832)	2 238 370 368	(8 485 416 318)	16 554 062 570
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	0	1 876 067 050	1 375 607 774	7 080 344 064
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	0	0	(63 921 117)	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(3 069 027 832)	362 303 318	(9 797 102 975)	9 473 718 506
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			(476 536 446)	(298 103 962)	(1 094 034 472)	(764 523 390)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			(2 592 491 386)	660 407 280	(8 703 068 503)	10 238 241 896
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

**\* Ghi chú:**

- Năm 2011, Công ty thay đổi cách hạch toán theo chính sách của phía đối tác, chuyển phần doanh thu từ lợi nhuận giữ lại của hoạt động kinh doanh sang thu nhập khác.
- Năm 2011, phía đối tác thay đổi chính sách Margin, giảm Fix Margin, tăng Variable Margin, và Variable Margin sẽ được chi trả sau khi kết thúc mỗi quý.

Người lập biểu



PHẠM HỒNG NGỌC

Kế Toán Trưởng



NGUYỄN THỊ HỒNG KHANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2012



Tổng Giám Đốc



NGUYỄN VĂN ĐỨC

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
**QUÝ 4 NĂM 2011**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	LƯU KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước
<b>I/= LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			-	
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(3 069 027 832)</b>	<b>16 554 062 570</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,12	4 358 220 318	5 809 160 784
- Các khoản dự phòng	03	V.3	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1 624 976 023)	(1 519 769 194)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	10 362 386 228	9 452 052 865
<b>3 Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>10 026 602 691</b>	<b>30 295 507 025</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21 919 222 069	24 685 106 311
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14 758 394 597)	(65 631 789 299)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(759 990 220)	48 056 407 118
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		711 564 448	67 818 771
- Tiền lãi vay đã trả	13		(10 164 168 177)	(9 300 158 222)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4 258 387 926)	(9 226 179 862)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		208 000 000	796 900 000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2 767 199 151)	(1 546 087 912)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>157 249 137</b>	<b>18 197 523 930</b>
<b>II/= LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(28 285 582 780)	(30 696 161 386)
2. Tiền thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	V.7	15 036 272 725	7 694 781 819
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(146 400 000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	152 450 000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1 000 000 000
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	714 688 530	663 744 431
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(12 534 621 525)</b>	<b>(21 331 585 136)</b>
<b>III/= LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			-	-
1. Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		200 000 000	1 685 000 000
2. Trả vốn cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	338 194 549 764	416 396 072 736
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(346 386 157 775)	(391 685 094 186)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	-	(5 336 433 600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7 991 608 011)</b>	<b>21 059 544 950</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(20 368 980 399)</b>	<b>17 925 483 744</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>32 758 656 697</b>	<b>14 833 172 953</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi tiền tệ</b>	<b>61</b>		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>12 389 676 298</b>	<b>32 758 656 697</b>

Người lập biểu

Kế Toán trưởng

  
PHẠM HỒNG NGỌC

  
NGUYỄN THỊ HỒNG KHANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2012  
  
 Tổng Giám Đốc  
 NGUYỄN VĂN ĐỨC

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

10 (235/18) Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: [haxaco@hcm.vnn.vn](mailto:haxaco@hcm.vnn.vn)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2011**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ 4 NĂM 2011**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh cho Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh, Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ và Công ty TNHH MTV Cơ khí Ô tô Cần Thơ (gọi chung là Tập đoàn).

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô; Đại lý mua bán ô tô và phụ tùng các loại; Mua bán và cho thuê ô tô, mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô; Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ; Dịch vụ cứu hộ xe ô tô.

4. **Tổng số các Công ty con** : 2

**5. Chi tiết Công ty con được hợp nhất**

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ
Địa chỉ	: 102 Cách Mạng Tháng Tám, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Tỷ lệ lợi ích	: 72,62 %
Quyền biểu quyết	: 72,62 %

Tên Công ty	: Công ty TNHH MTV Cơ khí Ô tô Cần Thơ
Địa chỉ	: 274, 30/4, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Tỷ lệ lợi ích	: 72,62 %
Quyền biểu quyết	: 72,62 %

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của các Công ty trong cùng Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

10 (235/18) Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: [haxaco@hcm.vnn.vn](mailto:haxaco@hcm.vnn.vn)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2011**

---

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong cùng Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

### 2. Cơ sở hợp nhất

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

### 3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh: phương pháp thực tế đích danh.
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ: phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

10 (235/18) Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: [haxaco@hcm.vnn.vn](mailto:haxaco@hcm.vnn.vn)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2011**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10
Tài sản cố định khác	3 – 15

### 7. Tài sản cố định vô hình

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không được tính khấu hao.

#### **Phần mềm máy tính**

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 năm.

### 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

### 9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### 10. Chi phí trả trước dài hạn

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### **Chi phí sửa chữa**

Chi phí sửa chữa thể hiện khoản chi phí thực tế Công ty chi ra để sửa chữa lớn tài sản. Chi phí sửa chữa được phân bổ không quá 03 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

10 (235/18) Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: [haxaco@hcm.vnn.vn](mailto:haxaco@hcm.vnn.vn)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2011**

---

### 11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### 12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1/3 tháng lương (đối với Công ty mẹ) và 3% quỹ lương (đối với Công ty con) làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

### 13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông tại công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ riêng của từng Công ty.

### 14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong cùng Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

10 (235/18) Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: [haxaco@hcm.vnn.vn](mailto:haxaco@hcm.vnn.vn)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2011**

---

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2011 : 21.036 VND/USD

**17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: [haxaco@hcm.vnn.vn](mailto:haxaco@hcm.vnn.vn)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2011****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền :**

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	1 720 772 415	1 425 571 126
Tiền gửi ngân hàng	10 668 903 883	17 333 085 571
Các khoản tương đương tiền		14 000 000 000
<b>Cộng</b>	<b>12 389 676 298</b>	<b>32 758 656 697</b>

**2. Phải thu khách hàng:**

Phải thu tiền bán xe và sửa chữa xe ô tô

**3. Trả trước cho người bán:**

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Nhà cung cấp trong nước	12 502 393 026	2 163 216 001
Nhà cung cấp nước ngoài	94 664 992	
<b>Cộng</b>	<b>12 597 058 018</b>	<b>2 163 216 001</b>

**4. Các khoản phải thu khác :**

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Cty CP QL Quỹ ĐT CK An Phúc	2 560 000 000	3 000 000 000
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn nộp thừa	-	2 944 128
Phải thu tiền chiết khấu của Cty TNHH LD SX Ô Tô Ngôi Sao		512 500 000
Khoản phải thu khác	328 059 014	310 526 549
<b>Cộng</b>	<b>2 888 059 014</b>	<b>3 825 970 677</b>

**5. Hàng tồn kho :**

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	19 410 286 399	12 342 965 977
Hàng hóa	143 498 830 728	135 807 756 553
<b>Cộng</b>	<b>162 909 117 127</b>	<b>148 150 722 530</b>

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn:**

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	229 628 759	166 240 132
Công cụ, dụng cụ	747 897 022	177 155 495
Chi phí khác	703 198 824	966 558 265
<b>Cộng</b>	<b>1 680 724 605</b>	<b>1 309 953 892</b>

**7. Tài sản ngắn hạn khác:**

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Tạm ứng	1 379 986 897	1 262 096 787
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8 534 072	20 490 938
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	1 403 356
<b>Cộng</b>	<b>1 388 520 969</b>	<b>1 283 991 081</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: [haxaco@hcm.vnn.vn](mailto:haxaco@hcm.vnn.vn)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2011****8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá đầu quý	35 206 727 592	6 034 532 249	29 383 979 501	2 495 174 244	302 374 643	73 422 788 229
Mua sắm mới	2 404 752 310	6 819 635 754	10 552 796 884	312 844 045	26 047 273	20 116 076 266
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(17 169 040 102)	-	-	(17 169 040 102)
Chuyển sang góp vốn						-
Số cuối quý	37 611 479 902	12 854 168 003	22 767 736 283	2 808 018 289	328 421 916	76 369 824 393
Gia trị hao mòn đầu quý	14 302 921 672	3 440 953 850	5 253 254 540	1 894 147 506	272 772 979	25 164 050 547
Khấu hao	2 357 051 499	670 620 064	3 577 098 308	312 114 669	2 476 255	6 919 360 795
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4 102 068 948)	-	-	(4 102 068 948)
Số cuối quý	16 659 973 171	4 111 573 914	4 728 283 900	2 206 262 175	275 249 234	27 981 342 394
Gia trị còn lại đầu quý	20 903 805 920	2 593 578 399	24 130 724 961	601 026 738	29 601 664	48 258 737 682
Số cuối quý	20 951 506 731	8 742 594 089	18 039 452 383	601 756 114	53 172 682	48 388 481 999

**9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình:**

Chỉ tiêu	Số đầu quý	Tăng trong năm	Gia trị hao mòn	Số cuối quý
Quyền sử dụng đất	11 646 416 800			11 646 416 800
Phần mềm quản lý	428 999 480	269 100 000	209 007 992	489 091 488
<b>Cộng</b>	<b>12 075 416 280</b>	<b>269 100 000</b>	<b>209 007 992</b>	<b>12 135 508 288</b>

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí khác	330 494 622	14 578 167
<b>Cộng</b>	<b>330 494 622</b>	<b>14 578 167</b>

**11. Tài sản dài hạn khác, ký quỹ, ký cược dài hạn:**

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
CN Tổng công ty Bến Thành	-	932 969 180
Tài sản dài hạn khác	612 250 000	
<b>Cộng</b>	<b>612 250 000</b>	<b>932 969 180</b>

**12. Vay và nợ ngắn hạn**

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng	<b>61 614 213 333</b>	<b>57 384 583 476</b>
Vay ngắn hạn Ngân hàng HSBC	20 017 097 138	52 447 583 476
Vay ngắn hạn Ngân hàng ANZ	41 597 116 195	
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông CN Tây Đô	-	
Vay ngắn hạn khác bằng phát hành kỳ phiếu nội bộ	<b>2 676 000 000</b>	368 662 500
Vay dài hạn đến hạn trả		810 400 000
<b>Cộng</b>	<b>64 290 213 333</b>	<b>58 563 645 976</b>

\*Khoản vay Ngân Hàng HSBC - Chi Nhánh TP.HCM và Ngân Hàng TMCP Phương Đông CN Tây Đô để kinh doanh mua bán xe ô tô, khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hàng hóa là xe ô tô.

**13. Phải trả người bán:**

Phải trả nhà cung cấp trong nước tiên hàng hóa, dịch vụ.

**14. Người mua trả tiền trước:**

Khách hàng ứng trước tiền mua xe.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: [haxaco@hcm.vnn.vn](mailto:haxaco@hcm.vnn.vn)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2011****15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước :**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối quý
Thuế GTGT hàng bán nội địa	25 832 496	4 325 365 683	(4 234 883 643)	116 314 536
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4 258 387 926	1 311 686 657	(4 258 387 926)	1 311 686 657
Thuế thu nhập cá nhân	120 506 153	1 445 003 656	(1 214 052 034)	351 457 775
Tiền thuế đất	-	867 295 404	(817 917 804)	49 377 600
Các khoản phải nộp khác				-
<b>Cộng</b>	<b>4 404 726 575</b>	<b>7 949 351 400</b>	<b>(10 525 241 407)</b>	<b>1 663 144 432</b>

**16. Phải trả người lao động:**

Lương còn phải trả.

**17. Chi phí phải trả**

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí Mercedes Finance Program		302 153 627
Chi phí lãi vay		46 413 987
Chi phí khác	555 233 928	20 000 000
<b>Cộng</b>	<b>555 233 928</b>	<b>368 567 614</b>

**18. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác:**

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	82 955 062	208 878 846
Bảo hiểm thất nghiệp	-	3 048 476
Tiền thuê kho phải trả Samco	383 000 000	383 000 000
Hàng thừa chờ xử lý	12 640 835	12 968 735
Chi trả cổ tức năm 2009	86 875 200	86 875 200
Các khoản phải trả khác	120 908 699	123 308 954
<b>Cộng</b>	<b>686 379 796</b>	<b>904 955 411</b>

**19. Vốn chủ sở hữu:**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	80 558 460 000	14 330 550 600	8 338 011 052	3 264 052 880	7 656 534 428	114 147 608 960
Phân phối các quỹ trong kỳ	-	-	235 006 864	143 070 980	(521 148 824)	(143 070 980)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(6 905 293 811)	(6 905 293 811)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(9 278 616 574)	(9 278 616 574)
Chi trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Chi thưởng	-	-	-	-	-	-
Vốn tăng trong năm	30 603 230 000	(13 694 930 000)	(7 245 800 000)	-	-	9 662 500 000
<b>Số dư cuối quý</b>	<b>111 161 690 000</b>	<b>635 620 600</b>	<b>1 327 217 916</b>	<b>3 407 123 860</b>	<b>(9 048 524 781)</b>	<b>107 483 127 595</b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu (Công ty mẹ)**

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà Nước	36 277 240 000	26 287 860 000
Vốn góp của các cổ đông khác	74 248 829 400	54 270 600 000
Thặng dư vốn cổ phần	635 620 600	14 330 550 600
<b>Cộng</b>	<b>111 161 690 000</b>	<b>94 889 010 600</b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu (Công ty con)**

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty Mẹ	16 117 900 000	11 617 900 000
Vốn góp của Cổ đông khác	6 076 050 000	5 876 050 000
<b>Cộng</b>	<b>22 193 950 000</b>	<b>17 493 950 000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: [haxaco@hcm.vnn.vn](mailto:haxaco@hcm.vnn.vn)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2011****Cổ phiếu (đang lưu hành với mệnh giá 10.000VNĐ/CP).**

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	<b>11 116 169</b>	8 055 846
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành thêm	-	8 055 846
- Cổ phiếu phổ thông	-	8 055 846
- Cổ phiếu phổ thông (chưa chính thức được giao dịch)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>11 116 169</b>	8 055 846
- Cổ phiếu phổ thông	<b>11 116 169</b>	8 055 846
- Cổ phiếu phổ thông (chưa chính thức được giao dịch)	-	-

**Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính**

\* Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Tập đoàn.

\* Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Tập đoàn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi:**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng do trích lập	Chi trong kỳ	Số cuối quý
Quỹ phúc lợi	350 730 290	117 503 432	(406 575 000)	61 658 722
<b>Cộng</b>	<b>350 730 290</b>	<b>117 503 432</b>	<b>(406 575 000)</b>	<b>61 658 722</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu :</b>	<b>273 498 401 037</b>	<b>333 845 136 806</b>
- Doanh thu bán xe ô tô	246 084 594 874	306 443 079 719
- Doanh thu sửa chữa, bán phụ tùng	27 105 327 991	26 819 783 528
- Doanh thu khác	308 478 172	582 273 559
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>11 827 041 857</b>	<b>7 441 820 490</b>
- Hàng bán bị trả lại	11 827 041 857	7 441 820 490
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>261 671 359 180</b>	<b>326 403 316 316</b>

**2. Giá vốn hàng bán:**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng giá vốn :</b>	<b>258 090 858 527</b>	<b>304 909 962 419</b>
- Giá vốn bán xe ô tô	233 479 756 016	282 444 508 731
- Giá vốn sửa chữa, bán phụ tùng	24 453 806 987	22 368 158 062
- Giá vốn khác	157 295 524	97 295 626

**3. Doanh thu hoạt động tài chính :**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	38 452 217	138 295 209
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	615 315	128 057 265
- Lãi cho vay vốn	-	-
- Lãi phạt quá hạn thanh toán	2 788 408	15 267 992
- Lãi từ cổ tức	-	-
- Doanh thu tài chính khác	28 730	-
<b>Cộng</b>	<b>41 884 670</b>	<b>281 620 466</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: [haxaco@hcm.vnn.vn](mailto:haxaco@hcm.vnn.vn)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2011****4. Chi phí tài chính:**

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
- Trả lãi tiền vay	1 622 589 857	3 630 925 161
- Hoạt động đầu tư chứng khoán	-	25 690 750
- Chi phí tài chính khác	470 079 028	1 524 368 829
<b>Cộng</b>	<b>2 092 668 885</b>	<b>5 180 984 740</b>

**5. Chi phí bán hàng:**

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	1 720 237 409	2 121 032 008
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	668 921 620	342 869 021
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1 553 089 238	1 385 720 256
- Chi phí ngân hàng (TK6415)	206 234 677	46 367 293
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3 062 844 311	2 187 846 743
- Chi phí khác	3 351 371 724	9 177 329 421
<b>Cộng</b>	<b>10 562 698 979</b>	<b>15 261 164 742</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp :**

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	1 767 603 272	1 614 209 177
- Chi phí VPP, vật liệu quản lý	61 219 744	44 011 257
- Chi phí dụng cụ quản lý	23 489 714	53 031 939
- Chi phí khấu hao TSCĐ	141 709 577	190 735 002
- Thuế, phí và lệ phí	114 028 032	191 230 107
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	78 946 658	134 489 071
- Chi phí bằng tiền khác	1 175 398 175	739 929 037
<b>Cộng</b>	<b>3 362 395 172</b>	<b>2 967 635 590</b>

**7. Thu nhập khác:**

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	4 187 618 459	-
- Thu nhập từ các khoản khác	11 544 114 434	4 819 736 320
<b>Cộng</b>	<b>15 731 732 893</b>	<b>4 819 736 320</b>

**8. Chi phí khác:**

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thanh lý TSCĐ	3 768 953 200	944 322 603
- Chi phí khác	2 636 429 812	2 232 640
<b>Cộng</b>	<b>6 405 383 012</b>	<b>946 555 243</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:**

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27 806 170 128	19 351 272 484
- Chi phí nhân công	5 544 130 887	5 500 299 816
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2 193 968 249	1 840 002 904
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5 948 904 374	3 339 489 287
- Chi phí khác	6 898 617 955	11 159 466 399
<b>Cộng</b>	<b>48 391 791 593</b>	<b>41 190 530 890</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: [haxaco@hcm.vnn.vn](mailto:haxaco@hcm.vnn.vn)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2011**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thu nhập của Thành viên Ban Tổng Giám Đốc:**

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
- Tiền lương	372 662 722	406 001 111
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	4 759 906	1 788 225
<b>Cộng</b>	<b>377 422 628</b>	<b>407 789 336</b>

Về chính sách kế toán, hiện tại công ty vẫn áp dụng các chuẩn kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ - BTC ngày 15/02/2005, Quyết định số 100/2005/QĐ - BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ tài chính và đã được Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 20/2006/TT - BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 21/2006/TT - BTC ngày 20/03/2006 như sau :

- VAS 11 Hợp nhất kinh doanh.
- VAS 17 Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- VAS 18 Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.
- VAS 23 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- VAS 27 Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- VAS 28 Báo cáo bộ phận.
- VAS 29 Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.
- VAS 30 Lãi trên cổ phiếu.

Ngoài ra, công ty vẫn áp dụng theo Chế độ kế toán doanh nghiệp mới ban hành theo Quyết định số 15/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/09 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kế toán.

Trong thời gian thực hiện các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính quý này và các quý trước của Công ty.

**2. Một số thuyết minh khác:**

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh có số âm là do Công ty thay đổi cách hạch toán, chuyển phần doanh thu từ tiền thưởng bán hàng sang thu nhập khác.
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế Quý 4 năm 2011 giảm 237,11% so với Quý 4 năm 2010 do trong năm 2011 phía đối tác có thay đổi chính sách chi trả tiền Margin (hoa hồng đại lý) giảm Fix Margin và tăng Variable Margin-khoản tiền này sẽ được họ chi trả sau khi kết thúc mỗi quý.

Người lập

**PHẠM HỒNG NGỌC**

Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ HỒNG KHANH**



TP.HCM Ngày 20 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc

**NGUYỄN VĂN ĐỨC**